

Số: 214/QĐ - SVHTTDL

Bắc Kạn, ngày 24 tháng 6 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2022
của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

GIÁM ĐỐC SỞ VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28/9/2018 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 12/4/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Kạn ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch tỉnh Bắc Kạn;

Căn cứ Quyết định số 213/QĐ-SVHTTDL ngày 24/6/2022 của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc giao bổ sung dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2022;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng sở,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu bổ sung dự toán chi ngân sách năm 2022 của Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch, chi tiết theo biểu đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Sở, Trưởng Đoàn Nghệ thuật dân tộc tỉnh chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Như Điều 3 (t/h);
- Sở Tài chính (b/c);
- Ban Giám đốc Sở;
- Công TTĐT Sở VH TT & DL;

Gửi bản giấy:

- Lưu VT, VP(Liều).

GIÁM ĐỐC

Hà Văn Trường

Đơn vị: Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch
Chương: 425

**CÔNG KHAI PHÂN BỐ DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO
 VÀ PHÂN BỐ CHO ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2022**

(Kèm theo Quyết định số 214/QĐ-SVHTTDL ngày 24/6/2022 của Sở Văn hóa Thể thao và Du lịch)

Đơn vị: đồng

STT	Nội dung	Tổng số được giao	Tổng số đã phân bổ	Trong đó		
				Văn phòng Sở	Đoàn Nghệ thuật dân tộc	
A	B	1	2	3	4	5
I	Dự toán chi NSNN	1.339.067.000	1.339.067.000	1.034.703.400	304.363.600	
1	Sự nghiệp kinh tế - Loại 280 Khoản 338 - Mã dự phòng 200	1.339.067.000	1.339.067.000	1.034.703.400	304.363.600	
1.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
1.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.339.067.000	1.339.067.000	1.034.703.400	304.363.600	